

Câu đối ở đình làng Quảng Nam

Lê Xuân Thông

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Đinh Thị Toàn

Nhà Trưng bày Hoàng Sa

Email liên hệ: dinhthoan.toan@gmail.com

Tóm tắt: Ở Quảng Nam, hầu như ngôi đình nào cũng có những câu đối bằng chữ Hán, thường được trình bày bằng cách viết sơn hoặc đắp khảm sành sứ ở trên vách tường, hai bên ban/ khám thờ thần, thờ tiền hiền, hậu hiền, trên những cột trụ hiên, bình phong và tam quan, hoặc được chạm khắc trên những liễn gỗ treo trong chính điện. Vì thế, thông qua việc nghiên cứu các câu đối, có thể giúp chúng ta hiểu biết thêm về những sắc thái, giá trị văn hóa của một thiết chế tín ngưỡng cổ truyền, của văn hóa làng xã nói riêng và, trong một chừng mực nào đó, là của một vùng đất. Trên cơ sở khảo sát câu đối ở hầu hết các đình làng Quảng Nam hiện có, bài viết trình bày khái quát về câu đối đình làng Quảng Nam như một sự nhận diện ban đầu, khả dĩ giúp cho bạn đọc có được những điều hữu ích.

Từ khóa: câu đối, đình làng, Quảng Nam,

Parallel sentences at Communal houses in Quang Nam

Abstract: In Quang Nam, most Communal houses has been decorated with parallel sentences romanised Han Chinese and painted or inlaid with mosaics on walls, both sides of altars of gods/goddesses or ancestors, pillars of porches, standing screen, a gate of a temple/pagoda with three entrances, or carved on a wooden picture hanging in the middle of an altar. The study is aimed to help readers understand profoundly about cultural values of a traditional religious institution, of villages in particular, and of a region. Based on examining parallel sentences in most Communal houses in Quang Nam, the article generalizes about parallel sentences at Communal houses in Quang Nam as a primary feature, which contributes to widening readers' knowledge of Vietnamese traditional culture.

Keywords: Parallel sentences, Communal houses, Quang Nam

Ngày nhận bài: 02/08/2021

Ngày duyệt đăng: 10/01/2022

1. Đặt vấn đề

Trên địa bàn Quảng Nam, qua thống kê bước đầu của chúng tôi, cho thấy có khoảng hơn 150 đình làng, phân bố khắp các địa phương là nơi có làng xã Việt (Kinh) phát triển lâu đời, trong đó tập trung mạnh ở khu vực phía Bắc, như thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và huyện Duy Xuyên¹. Hầu hết đình làng hiện biết hoặc được khởi tạo dưới thời Nguyễn (1802 - 1945) và đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo hoặc được xây dựng ở những thập niên đầu thế kỷ XXI. Mặt bằng đình Quảng Nam, về cơ bản, tồn tại song hành phổ biến kiểu đình chữ “Nhất” (一), tức một nếp nhà gọi là tòa chính điện hay đại đình và kiểu chữ “đình” (丁), thường gọi là kiểu “chuôi vồ” hay “chữ T lộn ngược”, tức ngoài tòa chính điện còn thêm một kiến trúc

khác nổi liền phía sau gian giữa của chính điện, gọi là hậu tẩm. Ngoài ra, còn những đơn nguyên kiến trúc khác thuộc ngoại vi, như bình phong và cổng ngõ (tam quan/nghi môn). Chúng được bố cục theo nguyên tắc đơn tuyến từ trước ra sau. Đình làng Quảng Nam hiện diện đan xen hai kiểu thức kết cấu – truyền thống và hiện đại. Đặc trưng của kiểu kết cấu kiến trúc truyền thống là bộ khung nhà bằng gỗ, với dạng liên kết vì (hay vại) phổ biến là vì kèo chống, tức các cột được liên kết với nhau theo hàng dọc (trước - sau) bởi nhiều thanh kèo gối lên nhau. Còn đặc trưng của đình mang kiểu thức hiện đại là sự xuất hiện hệ thống trụ, dầm (đôi khi cả hệ mái) hoàn toàn bằng xi măng cốt thép, và với vẻ bề ngoài phỏng theo khuôn hình của kiểu đình truyền thống.

Dù được xây dựng vào thời gian nào và khác biệt về kiến trúc thì mỗi một đình làng bất kì, ít hay nhiều, đều có các câu đối bằng chữ Hán. Trung bình, mỗi đình có từ 3 đến 5 câu đối; nhưng cũng không ít trường hợp, như đình Sơn Phong (Hội An), đình Ái Nghĩa (Đại Lộc), đình Mỹ Xuyên Đông (Duy Xuyên), đình Thanh Quýt (Điện Bàn)... có từ 8 đến hơn 10 câu đối. Hình thức thể hiện và nội dung câu đối phụ thuộc vào từng vị trí cụ thể trong không gian kiến trúc và thờ tự của ngôi đình, đảm bảo vừa tôn thêm sự uy nghiêm, rực rỡ chốn tâm linh, vừa chuyển tải một cách tinh tế nhất tình cảm, tư tưởng của chủ thể sáng tạo. Ở ngoại thất (tam quan, bình phong hay các trụ hiên xây gạch) là những câu đối đắp vữa khảm sành sứ nhiều màu. Đây được coi là câu đối dẫn, giới thiệu một cách tổng quát về không gian cảnh quan, địa thế làng xã cũng như ngôi đình, và thêm nữa là đối tượng thờ tự. Tiến vào nội điện, câu đối thường được chạm khắc và sơn son thếp vàng trên những liễn gỗ, đồng thời được viết bằng sơn đỏ trên những vách tường – nơi thiết bày các bàn thờ thần, nội dung thường nêu cao triết lý đạo đức, lễ nghĩa, hay thể hiện niềm kính ngưỡng, tự hào của hậu thế đối với tiền nhân, quê hương bản quán, đồng thời đặc biệt tín cẩn sức mạnh siêu trần cũng như ân đức phù trợ của đấng thần linh.

Đình làng Quảng Nam, trước nay dù đã có không ít người quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu, nhưng chủ yếu tập trung vào khía cạnh sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật kiến trúc. Cố nhiên, đó là những vấn đề quan trọng để nhận diện, nhận thức đình làng. Nhưng để hiểu biết sâu sắc và toàn diện hơn, ắt hẳn cần phải tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nữa, trong đó, câu đối đình làng là một nội dung không thể bỏ qua. Rõ ràng rằng, cùng với nghiên cứu về tế tự - nghi lễ - lễ hội và nghệ thuật kiến trúc – trang trí, nghiên cứu câu đối sẽ là bước hoàn thiện căn bản để tạo nên chiếc chìa khóa mở rộng cánh cửa đi vào một loại hình thiết chế văn hóa – tín ngưỡng cổ truyền của làng xã và, từ đó, sẽ có nhiều hơn cơ hội được đọc lên, dù trong muôn một, các vấn đề lịch sử - văn hóa vùng đất xứ Quảng (Quảng Nam).

Dưới đây, bài viết làm rõ các khía cạnh nội dung câu đối đình làng Quảng Nam, đó là: (1) Lời ngợi ca hoặc khẳng định công đức của đối tượng thờ tự, (2) tâm thức khắc ghi cội nguồn gốc tích, quê hương bản quán, (3) niềm tự hào về di tích, văn vật của quê hương và (4) sự ngưỡng vọng, cầu mong về một cuộc sống yên bình, no đủ.

2. Lời ngợi ca hoặc khẳng định công đức của đối tượng thờ tự

Trước hết, xuất phát từ một thiết chế tín ngưỡng tâm linh được dựng nên để thờ thần linh có công bảo trợ đời sống người dân bản địa, như Thành Hoàng, Thiên Y Ana, Bạch Mã, Cao Cốc, Đại Càn quốc gia Nam Hải, Quan Thánh Đế quân... câu đối hiện diện trên các ban thờ là lời khẳng định “sơn công hải đức” (công cao tựa núi, đức sâu như biển) của các đấng thánh thần. Thần là đấng quyền uy tinh thần tuyệt đối, là thế lực có sức mạnh siêu trần chi phối mọi

mặt đời sống con người. Thế nên, sự kính ngưỡng của nhân dân qua năm tháng vẫn hiện diện ở đình như một sự khẳng định:

英靈千古秀

顯赫萬年春

Anh linh ngàn thu đó,

Hiển hách vạn năm còn.

(Đình Xuân Mỹ, thành phố Hội An)

駕雨騰雲來稟烈

揚呼韋²畧振威風

Cưỡi mây đạp gió, thực lắm liệt,

Hô hoán tài tình, chấn oai phong.

(Đình Đại Phú, huyện Đại Lộc)

德大安民千古盛

功高護國萬年長

Đức đại an dân thiên cổ thịnh,

Công cao hộ quốc vạn niên trường.

(Đình Mỹ Khê Tân, huyện Duy Xuyên;

Đình Khương Hội, huyện Núi Thành)

Nhưng hiển nhiên, sự nhắc nhở công lao của đấng tối mặc không chỉ có mặt trên các bàn thờ thần mà bằng bạc khắp tiền đình, nhà Đông, nhà Tây như trường hợp đình Cẩm Phô, thành phố Hội An.

Đình Cẩm Phô ban đầu là thiết chế tín ngưỡng thờ thần Thành Hoàng cùng các vị thần bảo hộ cộng đồng cư dân của làng. Đến thời Thành Thái mới tiến hành phối thờ các vị tiền hiền, hậu hiền. Vào hai kì tế xuân, thu, các vị thần và tiền hiền, hậu hiền được cúng tế chung, cầu mong sự bình an và thịnh đạt. Có lẽ xuất phát ban đầu là nơi tế tự riêng dành cho thần linh nên các hoành phi, câu đối ở đây dành số lượng nhiều để ca ngợi ân công của đấng siêu quần:

禮樂威儀敬如神在

歐歌鼓舞樂在人和

Lễ nhạc uy nghi, tôn kính như lúc thần còn ở đây,

Ca hát, nhẩy múa, sự an vui nằm ở việc nhân hòa.

(Câu đối ở tiền đình)

聖德無疆捍患除災民康物阜

臣功莫側蔭扶默助俗美風敦

歲次甲午年孟春錦鋪坊同恭造

Thánh đức bao la, trừ tai ngăn họa, dân an vật thịnh,

Thần công vô lượng, côi âm phù trợ, tục đẹp phong thuần.

(Câu đối ở nhà Đông)

Điều dễ nhận thấy nhất là các câu đối thể hiện thái độ kính ngưỡng của dân làng đối với uy linh và công tích của thần thường sử dụng các câu đối ngắn, 10, 14 hoặc 16 chữ (tương

ứng mỗi vế 5, 7 và 8 chữ). Điều này xuất phát từ vị trí đặt đề (chiều cao ban thờ thường không lớn), mặt khác câu đối ngắn gọn, với cách ngắt nhịp 2/3/2/3, 3/4/3/4 (hoặc 4/3/4/3), 4/4/4/4 tạo hiệu ứng âm thanh thể hiện sự nghiêm trang, uy vũ của thần thánh. Ngược lại, các câu đối sử dụng nhiều chữ hơn thích hợp ca ngợi phong cảnh làng quê, văn vật tiêu biểu, nêu cao lòng tự hào của con dân đối với quê hương bản quán. Theo thống kê sơ bộ, trong số hơn 40 đình làng khảo sát ở Quảng Nam, có đến gần 90% các câu đối ngợi ca thần linh sử dụng vế đối ngắn gọn, súc tích. Các câu đối có trên 16 chữ ít xuất hiện, mà trường hợp ở đình làng Cẩm Phô là một trong số đó.

Đình làng là thiết chế thờ thần thánh, và câu đối ca ngợi công đức những vị thần này thường xuất hiện nhiều nhất ở các ban thờ hậu tẩm hoặc chính điện. Tuy nhiên, đình Hội An (huyện Tiên Phước) là trường hợp ngoại lệ. Đây là đình làng duy nhất hiện còn ở huyện Tiên Phước. Được dựng lần đầu dưới thời Tự Đức năm 1868, sau nhiều lần hư hại, đến nay đình có kiến trúc khá đơn sơ, giản dị. Đây là ngôi đình duy nhất không có câu đối Hán Nôm bên trong công trình chính.

Bên cạnh thánh thần phò trợ, công khai hóa của các bậc tiền nhân được nhấn mạnh rất nhiều lần. Điều này không khó lý giải. Mỗi một làng xã được khai lập đều nhờ công lao của một hoặc nhiều dòng họ sơ thủy, về sau lại cộng gộp thêm nhiều tộc hậu hiền vun bồi. Việc đan xen nguồn gốc của các dòng tộc tiền hiền, hậu hiền là trường hợp phổ biến, tạo nên bản sắc riêng có của những vùng đất. Theo khảo sát, đa phần các dòng họ có gốc gác từ vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh di dân vào lập nghiệp từ khoảng thế kỷ XIV, thường gọi chung là người vùng đất Bắc, ngoài ra nhiều làng xã lập hiệu do sự dịch chuyển của dòng họ trong nội bộ vùng đất Quảng Nam. Lễ dĩ nhiên của đạo lý *Cây có tổ, người có tông* là khắc ghi nguồn cội của mình. Câu *người đất Bắc dựng nghiệp ở trời Nam* trở thành một đối sánh phổ biến. Theo thống kê sơ bộ, số lượng các câu đối có nội dung xiển dương công tích tiên tổ (tiền hiền, hậu hiền) nhiều hơn hẳn đẳng thần linh.

Như ở đình An Mỹ, thành phố Hội An là một trường hợp đặc biệt. Làng An Mỹ theo truyền khẩu được hình thành vào khoảng cuối thế kỷ 16-17. Trước đó làng có địa giới khá rộng, phía bắc giáp xã Trà Quế, nam giáp xã Sơn Phô, tây giáp xã Sơn Phong, đông giáp xã Thanh Châu. Đình làng được dựng vào cuối thế kỷ 18. Đây là nơi thờ thần linh (hậu tẩm), tiền hiền, hậu hiền và cả âm linh, nghĩa sĩ trận vong (chính điện). Ngoài các câu đối khắc gỗ treo ở các cột, thì trên các bàn thờ đều có, nhưng các câu đối ở đây chỉ nhấn mạnh đến công gây dựng, bồi tụ của các lớp tiền nhân. Bàn thờ tả phụng thờ tiền hiền ghi:

前功開創千秋在

賢德貽謀萬古存

Công tiền hiền khai sáng, ngàn thu còn mãi,

Đức tiền nhân để lại, vạn năm trường tồn.

Bàn thờ hữu lại nhắc nhở:

後世資培畱德澤

賢人委託懶恩霑

Đời sau bồi đắp lưu đức trạch,

Hiền nhân ủy thác, ân chẳng dứt.

Trong 11 câu đối ở nội thất có đến 07 câu đối khẳng định công lao của tiền hiền, hậu hiền, 02 câu đối thể hiện ý trung lập (có thể bao hàm cả thần linh và tiền nhân), 02 câu đối còn

lại nói về âm linh và nghĩa sĩ. Riêng hậu tẩm thờ thần linh chỉ có đại tự “thần” ở giữa mà không có câu đối nào. Đây là trường hợp ít thấy nhất.

Đình Chiên Đàn (huyện Phú Ninh) là một trường hợp đặc biệt khác. Người dân thường truyền câu “Nhất La Qua, nhì Thành Mỹ, ba Chiên Đàn” để nói đến những ngôi đình to lớn nhất ở xứ Quảng Nam lúc bấy giờ. Về sau, cùng với sự tàn phá của chiến tranh và nhịp đông đúc của cư dân sinh quần, diện tích đình bị thu hẹp đáng kể, hiện chỉ còn 1.500m² toàn khuôn viên. Mặc dù vậy, tính đến nay đây là ngôi đình lớn nhất ở Quảng Nam – Đà Nẵng với kết cấu công trình bằng gỗ có giá trị cao về kiến trúc. Tư liệu Hán Nôm bảo tồn tại đây không nhiều nhưng tạo được ấn tượng cổ kính, tráng quan. Chúng tôi ghi nhận có ba cặp câu đối thiết trí ở nội thất công trình chính, và điều đặc biệt là nội dung của chúng đều xiển dương công khai ấp lập làng của các bậc tiền bối.

燕翼貽謀孫子終斯歌聚

開昌先後與胞在處增輝

Mưu lớn phò trợ, cháu con đến nay tụ hội vui ca,

Trước sau khai dựng, chung chốn sinh thời thêm sáng chói.

慎終追遠創業最良難

下继上承守成真不易

Nhớ mãi công sáng nghiệp khi xưa thực quá gian nan,

Trên dưới kế thừa ân đức, giữ vững thành trì thực chẳng dễ dàng.

劃野分民十一邑

東功報德餘千年

Bạt đồng hoang, chia dân số lập nên 11 ấp,

Nguyện báo công đền đức mãi ngàn năm.

Rõ ràng, bóng dáng thần linh ở đây khá mờ nhạt, mặc dù trong văn tế xướng đọc trong các nghi lễ có sự hiện diện của các đấng thần uy. Điều này hoàn toàn không thấy ở Đà Nẵng, nơi bàn thờ thần luôn án ngữ ở vị trí trang trọng nhất và sự kính ngưỡng oai linh thần thánh có mặt ở chính điện và hậu tẩm; Riêng tiền hiền, hậu hiền được phối thờ nghiêm cẩn ở hai gian tả, hữu (Hồ Tấn Tuấn, 2012).

Ở một góc nhìn khác, anh linh các bậc “tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai canh” được sáng với công bảo trợ của thần thánh. Như ở đình Đại Phú (Xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc), chính điện có 3 ban thờ, ngoài ban thờ thần có ghi rõ đối tượng phụng tự bằng đại tự chữ Hán ở chính giữa, hai ban còn lại chỉ ghi “Anh linh” và “Hiển hách”, nhưng câu đối có nội dung tương tự nhau. Ban thờ “Anh linh” (hữu) ghi:

鼎新覆庙登高在

光顯精誠儼若臨

Dựng mới miếu mạo, nơi cao ráo,

Tinh thần sáng chói, nghiêm trang thay.

Ban thờ “Hiển hách” (tả):

護國庇民彰四海

安人利物普同洲

Hộ nước giúp dân, ngồi bốn biển,

Người yên vật lợi khắp nơi nơi.

Công đức khai đất dựng làng được ví như ánh nhật nguyệt phổ chiếu khắp nơi, truyền lưu vạn đời, và cháu con không quên ân đức ấy:

日月光照十方

祖宗留垂萬世

Nhật nguyệt rọi chiếu mười phương,

Tổ tông lưu truyền vạn thế.

(Đình Mỹ Thạch, thành phố Tam Kỳ)

津口長留後世功

石牌永紀先賢績

Bến sông mãi lưu công đức hậu thế,

Bia đá ngàn năm khắc ghi huân tích của tiền nhân.

(Đình Thạch Tân, thành phố Tam Kỳ)

Đây vừa là lời khẳng định của hiện tại nhưng cũng như một điểm kì vọng, một lời nhắc nhở về đạo lý báo đền ân nghĩa của các lớp cháu con kế thế.

Đình làng Quảng Nam không chỉ là nơi thờ thần linh và các bậc tiền hiền, hậu hiền mà còn ghi nhận việc phụng cúng nghĩa sĩ trận vong và âm linh. Thực tế, việc phối thờ này không hề là hiện tượng mới mẻ. Điểm khác biệt là thay vì được thờ ở ngoài trời, thì hai đối tượng này được phối thờ ngay trong chính điện. Số lượng các đình làng bố trí thờ tự như vậy không phải ít. Một số nơi chỉ ghi đại tự chữ Hán biểu thị đối tượng được phụng cúng, nhưng cũng không ít đình thiết bày câu đối mà nội dung là ghi nhận sự hỗ trợ của họ khi còn sống và cả khi chết đi, đều là những người góp phần bảo đảm sự bình an của làng quê hôm nay.

陰魂護助安人物

靈顯扶持穩社村

Âm hồn hộ trợ, người vật đều yên,

Cõi linh phù trì, xã thôn ổn thỏa.

義烈綱常明日月

士軍威盛表乾坤

Nghĩa rạng cương thường, sáng nhật nguyệt,

Uy thịnh quân sĩ, tỏ càn khôn.

(Đình An Mỹ, Hội An)

英雄決勝與扁疆

愛國亡身不畏死

Anh hùng quyết thắng giữ biên cương,

Vì nước quên thân chẳng sợ chết.

(Đình Sơn Phô, thành phố Hội An)

3. Tâm thức khắc ghi cội nguồn gốc tích, quê hương bản quán

Không quá để nói rằng, nguồn cội là nơi linh thiêng trong tâm thức mỗi người dân Việt, thế nên kho tàng tục ngữ, ca dao không thiếu những câu răn dạy: *Uống nước nhớ nguồn; Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, ăn gạo nhớ kẻ đâm xay dần sàng; Chim có tổ, người có tông...* Từ cái nôi

“đất Bắc” như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh..., các “tân dân” lần lượt mở rộng địa bàn cư trú trên khắp xứ Quảng Nam. Như ở làng Hương Quế (Quế Sơn), từ tộc Phạm có cội rễ từ Thanh Hóa vào khai cơ, rồi sau đó có thêm các tộc khác vào lưu trú, lập ra năm làng kế cận nhau, như tộc Nguyễn, Đỗ, Trần, Ngô, Thân dựng nên làng Câu Nhi; họ Trương Đức cùng họ Huỳnh khai mở đất Ai Nghĩa; họ Lê, Nguyễn, Hồ cùng Nguyễn, Đào, Mai, Võ mở đất Nông Sơn. Ngoài ra còn khai mở các làng Bàn Thạch Đông giáp, Bàn Thạch Nam giáp, Hoa Phong... (Trần Đình Hằng, 2019, tr 215). Các chi phái kể thế trên vùng đất mới sâu rộng như vậy nhưng gốc tích “Bắc địa”, “Bắc nhân” luôn được nhắc nhở:

北地從王開古壘

南天立社壯新基

Từ đất Bắc theo vua đến khai phá cổ lũy,

Ở trời Nam lập làng dựng nền mới tráng nghiêm.

(Đình Sơn Phong, Hội An)

同源嶺引來南地

皆樹花開已北人

Cùng một nguồn cội tất cả đều theo đến đất Nam,

Nay con đàn cháu đống chung quy đều từ người Bắc.

(Đình Sơn Phô, Hội An)

Ở một góc nhìn khác, việc nhìn nhận gốc tích “Bắc địa” không dừng lại ở bài học đạo lý như cây có cội, nước có nguồn, mà còn khơi gợi tình đoàn kết, tương hỗ của các dòng tộc trong cùng một làng xã. Dù mỗi người mang một họ khác nhau, nhưng đều phát tích từ vùng đất Bắc, cùng nhau gây dựng nên xã hiệu như hôm nay. Đó là lý do từ rất sớm, thủy tổ các dòng họ tiền hiền, hậu hiền đã được làng xã thờ cúng vượt ra khỏi phạm vi từ đường gia tộc, trở thành tiên tổ nói chung của con cháu các chi phái, dòng tộc trong một vùng đất.

4. Niềm tự hào về di tích, văn vật của quê hương

Trong suy nghĩ của mỗi người dân, đình làng còn là niềm tự hào về di tích, văn vật của quê hương. Nếu làng xóm là hình ảnh thu nhỏ của giang sơn xã tắc thì đình làng chính là một biểu hiện sống động gợi nhắc quê hương là nơi khí thiêng hội tụ, cảnh đẹp phô bày. “*Cây đa-giếng nước-sân đình*” đã sớm đi sâu vào đời sống văn hóa, thúc giục tâm tưởng mỗi người con xa quê.

Đó có thể là lời ngợi ca phong thủy:

地脈有靈亭廟振

天心無負子孫賢

Mạch đất linh thiêng, đình miếu vững,

Lòng trời chẳng phụ, cháu con hiền.

(Đình Xuân Mỹ, Hội An)

Hoặc thuật tả địa thế của vùng đất hoặc ngôi đình làng mình:

仰嶺南朝春秀色

拱秋江北福源長

Ngưỡng trông núi cao phía nam, một trời xuân sắc,

Cúi nhìn sông chảy hướng bắc, cội phúc tràn đầy.

(Đình Chiêm Sơn, huyện Duy Xuyên)

背后長山虎鳳朝

前面潭河春秀色

Sau lưng núi lớn thể phượng hổ châu về,

Trước mặt đầm sen một màu xuân sắc.

(Đình Thọ Xuyên, huyện Duy Xuyên)

Cả hai câu đối trên tả thực vị trí đình làng. Đình Chiêm Sơn (xã Duy Trinh) trước đây có diện tích khuôn viên rộng rãi, lưng tựa vào núi đá phía sau, trước mặt là dòng sông lớn. Cảnh trí này có sự hài hòa của núi sông trời đất. Đình Thọ Xuyên (xã Duy Châu) cũng có địa thế tương tự, nhưng nổi bật hơn do vị trí cao ráo lưng chừng gò đồi, mặt trông xuống đầm sen phía tiền diện. Muốn đi vào đình phải vượt qua bậc thang khá cao.

Còn đây là thể đất của đình làng Phiếm Ái (xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc) được nêu rõ ở tam quan:

東向水潮居振⁴位

西方山坐在兌恭

Hướng đông nước chảy, an ngôi chốn,

Phía tây núi tọa, vững cung đoài.

南北分明振向門前東西就

三光⁵壯麗西方兌位四方歸

Nam bắc phân rõ, trước mặt hướng chốn, đông tây tụ hợp,

Tam quan tráng lệ, phía tây ngôi đoài, bốn phương hội về.

Nguyên đình làng Phiếm Ái trước đây dựng ở Bến Đình, phía trước trông thẳng ra dòng sông nhỏ. Sau năm 1900, do bị xói mòn và bom đạn chiến tranh, đình nhiều lần hư sụp, phải dời về vị trí hiện tại. Đình quay mặt hướng đông nam, sau lưng có ngọn núi cao che chắn, trước là cánh đồng lúa trũng làm yếu tố minh đường. Đây cũng được xem là thể đất hợp phong thủy.

Và đây là niềm tự hào về danh thơm vùng đất an bình, tốt đẹp:

水如碧玉山如畫

鳳有高梧鶴有松

Nước như ngọc biếc, núi như họa,

Phượng có ngô đồng, hạc có tùng.

(Đình Thanh Quýt, thị xã Điện Bàn)

坦宅雁鴻欣勝景

北南車馬樂亨衢

Đất phẳng nhận hồng vui cảnh đẹp,

Bắc nam xe ngựa rộn đường vui.

(Đình Sơn Phong, Hội An)

5. Sự ngưỡng vọng, cầu mong về một cuộc sống yên bình, no đủ

Trên tất cả, câu đối đình làng thể hiện sự ngưỡng vọng, cầu mong về một cuộc sống yên bình, no đủ gom đủ các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Suy cho cùng, rời xa vùng đất

tổ đến lập nghiệp ở phương trời xa xôi há chẳng phải vì một cuộc sống thịnh đạt ư! Ước mong ấy hẳn từ xưa đến nay lớp lớp cháu con đều hướng đến:

國粹民安精靈地

風調雨順泰運天

Nước thịnh dân an, đất linh hiển,

Gió hòa mưa thuận, trời bình an.

(Đình Sơn Phong, thành phố Hội An)

金城舊廟存天地

永奠古亭流世人

Kim Thành cựu miếu, tồn thiên địa,

Vĩnh Điện cổ đình, lưu thế nhân.

(Đình Kim Thành, thị xã Điện Bàn)

Lời ngưỡng vọng này không chỉ bắt gặp ở các đình làng mà còn xuất hiện nhiều trong các công trình như nhà thờ tiền hiền, nhà thờ tộc, miếu đền và thậm chí ở các Phật tự. Điều này cho thấy, đứng trước các đấng anh linh có huyền cơ xoay chuyển thế cuộc (chí ít là trong tâm thức dân gian), con người không quên cầu xin sự phù trì, bảo hộ. Nhưng như một lẽ tất yếu, ai cũng hiểu được rằng, sự an vui no đủ có được phải dựa trên nền nhân vững vàng, phúc đức sâu dày của tiền nhân để lại, hậu thế bồi đắp. Thế nên:

福地栽培百世興隆諸族派

仁基善築千秋能盛振鄉風

Dựng bồi đất phúc, chư tộc phái trăm đời no đủ,

Giỏi xây nền nhân, phong tục làng ngàn năm vững thịnh.

(Đình Mỹ Xuyên Đông, huyện Duy Xuyên)

安樂鄉聯地靈來遠矣

仁基建業人傑替從之

Xóm làng an vui, đất linh tụ hội,

Nền nhân dựng nghiệp, người tài sản sinh.

(Đình An Nhơn, thị xã Điện Bàn)

Có nhân, có đức, có phúc ắt mới được no ấm, nhưng muốn có được sự “an” tất phải có “hòa”. “Nhân hòa” là yếu tố cần thiết giữa vùng đất “người góp” di cư từ nhiều vùng khác nhau. Các bậc lão niên luôn răn cháu con lấy “hòa” làm căn bản, “hòa” là đầu mối để “vạn sự thành”. Đến thế kỉ XXI, lời dặn ấy vẫn còn được các bô lão làng Mỹ Xuyên Đông nhắc đến:

諸族維安前德畱來培舊址

全民和樂後人承能壯新基

Chư tộc an ổn, đức trước lưu lại bồi nền cũ,

Toàn dân hòa vui, đời sau kế thừa đắp móng mới.

老當益壯一勤天下無難事

成之能敬百忍堂中保太和

Già vẫn còn khỏe, còn có ích, chỉ mong thiên hạ bình yên,

Có thành tựu lại thêm kính trọng, nhẫn chịu để tự sở được thái hòa.

Như vậy, để làng xóm an ổn, thịnh vượng, người người yên vui, tâm bình khí tốt thì cần có cả hai thành tố: đó là sự chở che, hộ trợ của cội âm phù, sự tích lưu công đức sâu dày của tiền nhân; đi cùng với đó là sự bồi tụ, xây đắp thêm của các lớp hậu thế, sự hòa hợp trọng thị trong mỗi thế hệ cháu con. Cho nên, sự ngưỡng vọng về cuộc sống thái bình, no ấm vừa là lời khẩn cầu nhưng cũng là lời nhắc nhở những ai đứng trước tự sở cần phải biết tu chính bản thân, kế thừa di sản của người đi trước, dựng bồi tăng thêm, làm tiền để cho lớp sau nối tiếp.

6. Kết luận

Nội dung câu đối đình làng Quảng Nam phong phú, từ việc ca ngợi đối tượng thờ tự (thần linh, tiền hiền, hậu hiền, nghĩa sĩ trận vong, âm linh) đến việc thể hiện tấm lòng tự hào về quê hương xứ sở, cội nguồn gốc tích, răn dạy đạo lý ghi nhớ công đức của các bậc có công; và trên hết là ngưỡng vọng về một cuộc sống tốt đẹp, thanh bình và thịnh vượng.

Câu đối đình làng Quảng Nam được bảo lưu, gìn giữ khá tốt. Trải qua các đợt trùng tu tôn tạo ít có sự thay đổi, làm mới mà chú trọng tính nguyên sơ. Đa số, các ngôi đình đều có câu đối ở cổng, đặc biệt lấy chữ đầu tiên của hai vế đối ghép lại thành tên của đình làng. Các câu đối bên trong chính điện thường được khắc chìm trên ván gỗ. Ván khắc được sơn đỏ, hoặc màu đen nâu, chữ quét sơn vàng hoặc trắng. Số lượng các câu đối có dòng lạc khoản rõ ràng chiếm hơn 50%. Trên các bàn thờ, tỉ lệ câu đối khắc trên ngai/ khám thờ gỗ ít, đa phần đắp vẽ bằng vôi vữa. Riêng ở bình phong hoặc cổng đình, câu đối hoàn toàn được đắp nổi để tránh mưa gió làm bong tróc nội dung. Số câu đối đắp khắc sành sứ khá ít.

So sánh đình làng ở các địa bàn trong tỉnh, chúng tôi nhận thấy rằng Hội An là nơi hiện có nhiều câu đối nhất, tình trạng bảo lưu tốt. Điều này ngoài việc do số lượng đình làng chiếm ưu thế, còn xuất phát từ việc các đình thiết bày câu đối hầu khắp mỗi kết cấu công trình, từ tam quan (mặt trong và ngoài) đến hiên, chính điện, hậu tẩm và nhà đông, nhà tây. Các cơ quan quản lý văn hóa thành phố Hội An có nhiều nỗ lực trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản này, mà ấn phẩm *Di sản Hán Nôm ở Hội An*, tập 4 Hoàn phi liên đối ở một số di tích tôn giáo, tín ngưỡng⁶ và tập san Thông tin nghiên cứu Bảo tồn di sản⁷ của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An là những nguồn tư liệu tham khảo quý cho những ai muốn tìm hiểu. Qua tiếp xúc hồ sơ di tích, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, một số hồ sơ liệt kê chi tiết các di vật có giá trị, trong đó có hoành phi, liên đối, ngoài ra đính kèm một số hình ảnh tiêu biểu minh họa cho số lượng di vật, cổ vật hiện còn⁸. Một ưu thế, đồng thời cũng là điểm tích cực trong bố trí nhân sự tại các đơn vị quản lý bảo tồn di sản văn hóa ở thành phố Hội An là nguồn cán bộ có trình độ chuyên môn về Hán Nôm được đào tạo bài bản và tham gia chính vào công tác xây dựng hồ sơ di tích, chủ động phối hợp với các cá nhân bên ngoài đơn vị, am tường về dịch thuật Hán tự để cho ra đời những ấn phẩm có giá trị, góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa hiện có./.

Chú thích

1. Đây là kết quả từ các đợt điều tra, khảo sát của chúng tôi vào những năm 2020 – 2021. Hiện tại, không có bất kì số liệu thống kê chính thức nào từ phía cơ quan chức năng địa phương.

2. Ở đây lẽ ra phải là vĩ lược 偉畧.

3. Lẽ ra phải là chữ đỉnh 頂

4. Quẻ chấn tự dạng phải là 震

5. Tam quan 三關. Ở đây đọc lệch thành quang 光

6. Tuyển tập này chỉ giới thiệu hoành phi, liễn đối ở một số công trình tín ngưỡng, tôn giáo tiêu biểu. Lẽ dĩ nhiên, một số công trình được tu chỉnh sau thời điểm xuất bản ấn phẩm có sự thay đổi về số lượng hoành phi, liễn đối không có mặt ở đây. Điểm đặc biệt của nó là cho biết rõ vị trí của từng bức trong không gian tổng thể của di tích.

7. Tập san này đăng tải nhiều bài viết giới thiệu hệ thống di sản văn hóa Hán Nôm ở các di tích, không giới hạn ở hoành phi, liễn đối.

8. Hồ sơ các đình làng: Sơn Phô, Sơn Phong, Cẩm Phô, Để Võng, Xuân Mỹ, An Mỹ ở Hội An. Lưu trữ tại Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Quảng Nam.

Tài liệu tham khảo

Trần Đình Hằng (2019). *Tín ngưỡng tiền hiền và văn hóa dòng họ Quảng Nam*. In trong Kỷ yếu hội thảo “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển”, tr.215.

Hồ Tấn Tuấn (cb) (2012). *Đình làng Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng.

Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An (2016). *Thông tin nghiên cứu Bảo tồn di sản*, số 02 (34)-2016.

Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An (2019). *Di sản Hán Nôm ở Hội An*, tập 4 Hoành phi liễn đối ở một số di tích tôn giáo, tín ngưỡng. Nxb Đà Nẵng.

Hồ sơ các đình làng: Sơn Phô, Sơn Phong, Cẩm Phô, Để Võng, Xuân Mỹ, An Mỹ ở Hội An. Lưu trữ tại Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Quảng Nam.